

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 484/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 06 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Trần Văn M**, sinh năm 1977; căn cước công dân số: 046077011927;
Địa chỉ: Tổ A kiệt C tổ dân phố N, phường M, thành phố H;

- Chị **Phan Ngọc Vân A**, sinh năm 1980; căn cước công dân số: 046180010973, cấp ngày 09/8/2021; Địa chỉ: Tổ A, kiệt C, tổ dân phố N, phường M, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn M và chị Phan Thị Vân A1 đăng ký kết hôn vào ngày 12/5/2005 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường V, thành phố H), trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh M và chị Vân A1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh M và chị Vân A1 chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh M và chị Vân A1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh M và chị Vân A1 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh M và chị Vân A1.

[2] Về con chung: Anh Trần Văn M và chị Phan Ngọc Vân A xác nhận vợ chồng chung sống có hai con chung tên là Trần Anh Minh Q, sinh ngày 8/11/2007; Trần Cát T, sinh ngày 23/9/2009. Hiện nay cháu Cát T đang ở với chị Vân A.

Anh M1 và chị Vân A thỏa thuận: Giao cháu Trần Cát T cho chị Phan Ngọc Vân A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi), anh M1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con; riêng cháu Trần Anh M1 Q đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên anh M1 và chị Vân A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Anh Trần Văn M và chị Phan Ngọc Vân A tự nguyện thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[4] Về nợ chung: Anh Trần Văn M và chị Phan Ngọc Vân A cùng xác nhận vợ chồng chung sống không có nợ nần gì của ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn M và chị Phan Ngọc Vân A thỏa thuận mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002069 ngày 17/6/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Anh M1 và chị Vân A đã nộp đủ.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 07 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành ngày 01 tháng 07 năm 2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn M và chị Phan Ngọc Vân A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Trần Văn M và chị Phan Ngọc Vân A xác nhận vợ chồng chung sống có hai con chung tên là Trần Anh Minh Q, sinh ngày 8/11/2007 và Trần Cát T, sinh ngày 23/9/2009. Hiện nay cháu Cát T đang ở với chị Vân A.

Giao con chung là cháu Trần Cát T cho chị Vân A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); anh M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con; Riêng cháu Trần Anh M1 Q đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên anh M1 và chị Vân A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Trần Văn M và chị Phan Ngọc Vân A tự nguyện thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Trần Văn M và chị Phan Ngọc Vân A xác nhận vợ chồng chung sống không có nợ của ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Văn M và chị Phan Ngọc Vân A mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002069 ngày 17/6/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Anh M1 và chị Vân A đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND xã Phú Vinh;
- (ĐKKH số 36 ngày 12/05/2005
tại UBND xã Phú Diên cũ);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hương Lan